

Bản án số: 728/2023/HC-PT

Ngày 23/8/2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính về quản lý đất đai
trong trường hợp thu hồi đất, bồi thường,
hỗ trợ, tái định cư”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán:

Ông Võ Văn Khoa

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 240/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 4 năm 2023, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”;

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2023/HC-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2132/2023/QĐXXPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Đ, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 9/63B đường 30/4, phường Xuân K, quận N, thành phố Cần T; có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận N; địa chỉ trụ sở: Số 215 Nguyễn Tr, phường Thới B, quận N, thành phố Cần T; có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

+ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971; cư trú tại: 237 đường Nguyễn Văn C, phường An Hòa, quận N, TP. Cần Thơ; có mặt.

+ Ông Lê Hoàng Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: 33/3A đường đường Đề T, phường An C, quận N, TP. C; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Ngọc H, cư trú tại: Số 9/63A đường 30/4, phường Xuân K, quận N, thành phố Cần T; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông Đ là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ông Đ trình bày:

Ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định sau đây:

1. Hủy Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 về việc thu hồi đất của ông Đ ảnh hưởng dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao N. Bởi vì, Quyết định này thu hồi 100m² là không đúng thực tế. Theo nội dung biên bản không số ngày 21 tháng 11 năm 2019 về việc đo đạc, kiểm đếm. Biên bản thể hiện rõ diện tích nhà đất là: 17,8 m x 6,0m = 106.8 m² đây là diện tích đất thực tế gia đình ông đang sử dụng (chênh lệch diện tích là 6,8m² chưa bồi thường).

2. Hủy Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đ ảnh hưởng dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao, N, phường Xuân K, quận N, thành phố Cần T. Việc áp giá bồi thường về đất theo Quyết định này là chưa đúng tính giá 08 triệu đồng cho 01m². Mà phải áp giá là 16 triệu đồng cho 01m² mới đúng theo quy định tại QĐ số 985/QĐ-UBND ngày 13/5/2020. Mặt khác nhà ông hiện đang ở nằm ở vị trí 02 mặt tiền liền kề với khu dân cư. Bởi vì kể từ khi ông mua và sử dụng đất cho đến nay chỉ sử dụng cho một mục đích làm nhà ở do đó mục đích sử dụng đất ODT làm nhà ở có nộp thuế đất phi nông nghiệp hàng năm, được Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) phường Xuân K xác nhận nhà ở ổn định, không ai tranh chấp có hộ khẩu thường trú, gồm 08 nhân khẩu (gồm 03 thế hệ ông bà, con, cháu). Nhà nằm cạnh khu dân cư số 9 đường 30/4 phường Xuân Khánh, mặt trước liền với nhà số 9/68, mặt sau liền với nhà số 9/64. Nhà nằm trên trục chính của khu dân cư số 9 tính từ đường 30/4.

3. Hủy Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đ ảnh hưởng dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao N phường Xuân K quận N, thành phố Cần T. Áp dụng tỷ lệ % tính tiền bồi thường và hỗ trợ tái định cư đối với gia đình ông theo tỷ lệ 50% là chưa đúng theo Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND TPCT ngày 11/7/2016 của UBND thành phố Cần T về việc sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định số 15/2014/QĐ UBND ngày 13/11/2014 của UBND thành phố Cần T về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông thì phải được hỗ trợ với mức theo tỷ lệ là 80% nay ông yêu cầu phải bổ sung 30% mới đúng quy định hiện hành.

Về tái định cư gia đình ông hiện nay 08 nhân khẩu diện tích nhà sở hữu trên một trăm mét vuông nay chỉ bán cho 01 nền diện tích là 60m² thiếu 40m² do đó ông đề nghị bán thêm cho gia đình ông 01 nền tái định cư để làm nhà ở ổn định cuộc sống.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận N có văn bản trình bày ý kiến:

* Về khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Nguồn gốc đất của ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Lưu Ngọc H năm 2009 (ông Lưu Ngọc H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Tấn K bằng giấy tay ngày 14 tháng 01 năm 1993 là đất ruộng). Sau đó, ông Đ xây dựng nhà trên đất nông nghiệp, nằm trong khu quy hoạch dự án Trung tâm Giáo dục thể thao quận N, ngày 04 tháng 4 năm 2009 UBND phường Xuân K đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính, buộc phải ngưng thi công xây dựng nhà, đồng thời phải khôi phục lại hiện trạng ban đầu phần diện tích nhà 102m².

Căn cứ tiết b điểm 2 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Cần T quy định: Đối với nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường, xây dựng với nhu cầu để ở thật sự, không đối phó quy hoạch, có văn bản xử phạt, buộc tháo dỡ khôi phục hiện trạng nhưng công trình vẫn tồn tại đến thời điểm thực hiện dự án thì hỗ trợ 50% giá trị bồi thường. Trường hợp ông Đ xây dựng nhà trên đất nông nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính, buộc phải ngưng thi công xây dựng nhà, khôi phục lại hiện trạng ban đầu nhưng vẫn tồn tại đến thời điểm thực hiện dự án nên được tính hỗ trợ 50% giá trị bồi thường.

Do đó, UBND quận N ban hành Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đ, ảnh hưởng dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao N là đúng quy định pháp luật. Việc ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6839/QĐ-UBND này là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Về khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND quận N về việc thu hồi đất căn cứ điểm b khoản 1 điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định: Trường hợp đang sử dụng đất do chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất. Trường hợp ông Đ nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp của ông Lưu Ngọc H bằng giấy tay năm 2009, xây dựng nhà trái phép trong khu quy hoạch dự án đã bị xử phạt vi phạm hành chính nên UBND quận N ban hành Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc thu hồi đất với diện tích đo đạc thực tế là 100,0m đất trồng cây lâu năm là phù hợp quy định.

* Về khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường về đất: Ngày 03 tháng 9 năm 2020, Hội đồng bồi thường dự án có Biên bản số 139/BB-HĐBT về việc họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao N, trong đó: Thống nhất thông qua kết quả xét tính pháp lý và phương án bồi thường về đất với giá 8.000.000 đồng/m² theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 của UBND thành phố Cần T về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Trung tâm Văn hóa - Thể thao N. Do phần đất bị ảnh hưởng dự án diện tích 100,0 m² CLN vị trí thửa đất giáp ranh Khu tập thể Công ty cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 5 cũ) và giáp ranh Khu dân cư kế Chi cục Thú Y đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 9 cũ) (Không thuộc khu dân cư nhưng hưởng lợi từ đường nội bộ khu dân cư). Theo đó, UBND

quận N ban hành Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND quận N về việc phê duyệt kinh phí bồi thường đối với ông Đ số tiền 800.000.000 đồng/m² (100 m² CLN x 8.000.000 đồng/m²) là đúng quy định. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7094/QĐ-UBND này không có cơ sở xem xét giải quyết.

* Về chính sách tái định cư:

Căn cứ khoản 1 Điều 21 của Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2014 của UBND thành phố Cần T quy định: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì được xét cho mua 01 suất tái định cư tối thiểu là 60 m². Theo đó, ông Đ bị thu hồi đất và bồi thường đất trồng cây lâu năm, trên đất có nhà ở, được UBND phường Xuân K xác nhận không còn nhà ở đất ở khác trên địa bàn phường Xuân Khánh, nên đủ điều kiện được xét cho mua 01 suất tái định cư tối thiểu là 60m² theo quy định. Trường hợp yêu cầu xét thêm 01 nền tái định cư để ông Đ ổn định cuộc sống là không có cơ sở xem xét giải quyết. Do Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận N chưa thông qua Hội đồng bồi thường dự án về chính sách tái định cư đối với ông Đ nói riêng và các hộ dân bị ảnh hưởng dự án nói chung nên UBND quận N chưa phê duyệt chính sách tái định cư cho ông Đ. Do đó, sau khi Hội đồng bồi thường dự án thông qua chính sách tái định cư, Ủy ban nhân dân quận N sẽ phê duyệt tái định cư cho ông Đ theo quy định.

UBND quận N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cần T xem xét bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Đ, yêu cầu hủy Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2020 và Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND quận và bác yêu cầu xét bán thêm 01 nền tái định cư.

Tại Bản án hành chính số 01/2023/HC-ST ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần T như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 29 Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; khoản 2 Điều 49, Điều 61, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 77, Điều 83, Điều 92 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện - ông Đ về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND quận N và yêu cầu được mua thêm một nền tái định cư.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/01/2023 ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ

thẩm và yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm; tại phiên toà ông Đ thay đổi nội dung kháng cáo sửa bản án sơ thẩm huỷ các quyết định trên và giải quyết mua thêm một nền tái định cư.

Tại phiên toà, ông Đ tham gia tranh tụng: Quyết định của UBND quận N sai hình thức, ghi nơi ở của ông Đ không đúng địa chỉ, phường; dựa vào quyết định vi phạm của ông Hà để xử lý ông Đ là không đúng quy định; yêu cầu bồi thường đủ diện tích đất thu hồi, với giá 32 triệu đồng/m² theo quyết định của UBND thành phố Cần T; gia đình của ông Đ ở gồm ba thế hệ nhưng khi thu hồi đất, chỉ bán một nền tái định cư 60m² đất ở là không đủ. Đề nghị sửa án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện N trình bày: Đất của ông Đ có nguồn gốc nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông Hà khi đã có quy hoạch của nhà nước không cho chuyển nhượng, ông Hà chỉ chuyển nhượng cho ông Đ 100m², phần đất thu hồi dư ra là của ông Hà nên bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ 100m²; vị trí đất của ông Đ phải đi qua khu dân cư số 9, số 5 mới ra đường lộ, độ dài khoảng 200m, bồi thường 8.000.000 đồng/m² đúng theo quyết định của UBND thành phố Cần T; quyết định ghi không đúng địa chỉ, phường của ông Đ nhưng vẫn đúng đối tượng, không làm thay đổi nội dung sự việc; dù gia đình của ông Đ có nhiều thế hệ sinh sống, nhưng do quỹ đất của địa phương và theo Quyết định số 15/UBND của Thành phố Cần T quy định mua 1 nền tái định cư không quá 60m². Đề nghị bác đơn kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo của ông Đ, nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng của ông Hà bằng giấy tay, xây dựng nhà không có giấy phép, đất đã quy hoạch trước đó, nên đã hỗ trợ tài sản, công trình trên đất 50% giá trị là phù hợp. Quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ diện tích 100m² đất CLN cho ông Đ là phù hợp với tài liệu, lời trình bày của ông Hà chủ đất. Nay ông Đ yêu cầu bồi thường giá đất 32 triệu đồng/m² là không phù hợp vị trí đất thu hồi; theo Quyết định số 15 thì chỉ được giải quyết mua một nền tái định cư 60m² nay ông Đ yêu cầu thêm là không phù hợp. Ngoài ra ông Đ còn cho rằng quyết định sai hình thức là lỗi kỹ thuật đánh máy, không làm thay đổi nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của ông Đ giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

- Đơn kháng cáo của ông Đ đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Đ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc trường hợp thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”; đối tượng bị khiếu kiện là Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND quận N và yêu cầu được mua thêm một nền tái định cư; thời

hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần T, được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Đ:

[2.1]. Đối với quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND quận N: Căn cứ Giấy tay chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 02/3/2009, thì ông Lưu Ngọc Hà chuyển nhượng cho ông Đ 100m² (BL: 97); phù hợp với lời khai của ông Lưu Ngọc Hà chỉ chuyển nhượng cho ông Đ 100m², phần diện tích 6,8m² ông Đ lấn chiếm của ông Lưu Ngọc Hà (BL 130). Do đó, Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND quận N về việc thu hồi đất của ông Đ diện tích 100m² là đúng quy định.

[2.2]. Đối với quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND quận N, phê duyệt phương án bồi thường về đất: Diện tích 100m² ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Lưu Ngọc H là đất CLN; đất không cho chuyển nhượng, vì nằm trong khu quy hoạch từ năm 1994; vì vậy 100m² đất của ông Đ bị thu hồi không phải đất ở, tiếp giáp khu dân cư số 5 và số 9 (cũ), vì không thuộc khu dân cư nhưng hưởng lợi từ đường nội bộ dân cư, nên UBND quận N căn cứ Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của UBND thành phố Cần T, bồi thường về đất, với đơn giá 8.000.000 đồng/m² là đúng quy định, ông Đ yêu cầu bồi thường giá 32 triệu đồng/m² là không có cơ sở. Do đó, Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND quận N là đúng quy định.

[2.3]. Đối với Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND quận N: Do đất đã có quy hoạch Trung tâm thể thao - Văn Hoá, không cho chuyển nhượng, nên khi ông Lưu Ngọc H chuyển nhượng đất cho ông Đ hai bên chỉ làm giấy tay và thoả thuận ông Lưu Ngọc H là chủ xây dựng nhà; vì vậy, khi xây dựng nhà không có giấy phép, UBND quận N ban hành Quyết định xử phạt hành chính 08/QĐ-UBND ngày 04/4/2009, đối với ông Lưu Ngọc H là lỗi của ông Đ và ông Lưu Ngọc H khai báo không phù hợp, đến nay quyết định trên đã có hiệu lực pháp luật. Theo nội dung của quyết định thì đương sự phải tháo dỡ nhà, công trình kiến trúc trên đất trả lại hiện trạng, nếu không khôi phục hiện trạng thì sẽ bị cưỡng chế; đến thời điểm thu hồi đất tài sản vẫn còn tồn tại. Do đó, UBND quận N căn cứ tiết b điểm 2 khoản 3 Điều 1 Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Cần T quy định: *“Đối với nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2006 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường, xây dựng với nhu cầu để ở thật sự, không đối phó quy hoạch, có văn bản xử phạt, ngăn chặn của cấp có thẩm quyền: Có văn bản xử phạt nhưng không buộc tháo dỡ: Hỗ trợ 70% giá trị bồi thường. Có văn bản xử phạt, buộc tháo dỡ khôi phục hiện trạng nhưng công trình vẫn tồn tại đến thời điểm thực hiện dự án: Hỗ trợ 50% giá trị bồi thường”*; từ đó, tính bồi thường 50% giá trị tài sản trên đất là phù hợp. Do đó, quyết định 6839/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND quận N là đúng quy định.

[2.4]. Đối với yêu cầu được mua thêm nền tái định cư: Căn cứ quỹ đất, nhu cầu sử dụng đất của địa phương; đối chiếu trường hợp của ông Đ thì đất bị thu hồi không phải là đất ở. Do đó, UBND quận N căn cứ khoản 1 Điều 21 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND thành phố Cần T quy định:

“Điều 21. Tái định cư đối với các trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở.

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì được xét cho mua 01 suất đất tái định cư tối thiểu (60m²)....”. Ông Đ đã được xét mua 01 nền tái định cư là phù hợp.

[3]. Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy bản án sơ thẩm xét xử đúng quy định; ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; lời trình bày của ông Đ tại cấp phúc thẩm không phù hợp, nên không được chấp nhận, dù ông Đ trình bày quyết định ban hành đối với ông Đ không đúng địa chỉ, phường là sơ xuất khi đánh máy, nhưng không làm thay đổi nội dung sự việc, nên không phải là cơ sở để hủy các quyết định hành chính trên; quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Bác đơn kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm, do ông Đ kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí, nhưng do người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đ; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2023/HC-ST ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần T như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 29 Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015. Khoản 2 Điều 49, điểm c khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 77, Điều 83, Điều 92 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện - ông Đ về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 7092/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, Quyết định số 7094/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND quận N và yêu cầu được mua thêm một nền tái định cư.

2. Về chi phí thẩm định, án phí sơ thẩm:

- Về chi phí thẩm định: Ông Đ đã nộp và chi xong.

- Về án phí: Ông Đ được miễn; hoàn trả cho ông Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000039 ngày 10/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần T.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đ được miễn; hoàn trả cho ông Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001563 ngày 17/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Cần T.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Cần Thơ (2);
- VKSND tỉnh Cần Thơ (1);
- Cục THADS tỉnh Cần Thơ (1);
- Các đương sự;
- Lưu VP(5) (NTTP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**CÁC THÀNH VIÊN
CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

Nguyễn Văn Minh

Đặng Văn Ý

